

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19 /2023/HNGĐ - ST

Ngày 28 – 04 – 2023

*“về việc ly hôn, tranh chấp nuôi
con”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Việt Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Đình Xiềng.

Bà Nguyễn Thị Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 126/2022/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2023/QĐST – HNGĐ ngày 07/4/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H , sinh năm 1990;

Địa chỉ: thôn Thắng Trạch 1, thị trấn I, huyện G, tỉnh Gia Lai. *Có mặt.*

Bị đơn: Anh Đỗ Văn Th, sinh năm 1989; Địa chỉ: thôn Thắng Trạch 1, thị trấn I, huyện G, tỉnh Gia Lai. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 01/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Đỗ Văn Th xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ các điều kiện kết hôn và thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân thị trấn I, huyện G, tỉnh Gia Lai vào ngày 08/11/2011, Giấy chứng nhận kết hôn số 90, quyển số 01. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc tại thị trấn I, huyện G và có với nhau 02 người con chung. Đến tháng 5/2022 thì vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh Th thường xuyên đi làm ăn xa nhà, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ chị, bỏ mặc chị, anh Th còn đánh đập chị, có lần chị bắt gặp anh Th nhắn tin tình cảm với người con gái khác, chị đã cố gắng khắc phục nhưng quan

hệ vợ chồng rạn nứt đến nỗi không thể hàn gắn được. Hiện tại vợ chồng không còn sống chung với nhau, chị đã vào Sài Gòn làm ăn, sinh sống còn anh Th ở đâu thì chị không biết. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng, không yêu thương anh Th nữa, nên chị xin ly hôn anh Th.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Thị Thanh Trúc, sinh ngày 04/5/2012 và cháu Đỗ Chí Kiên, sinh ngày 31/3/2019. Hiện cháu Kiên đang do chị nuôi dưỡng, còn cháu Trúc do chị của anh Th nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Đỗ Chí Kiên, còn cháu Đỗ Thị Thanh Trúc đề nghị giao anh Đỗ Văn Thu nuôi dưỡng.

Hiện tại chị làm nghề buôn bán Online tại thành phố Hồ Chí Minh, thu nhập từ 15.000.000đồng đến 20.000.000đồng/tháng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn cung cấp chứng cứ: Giấy chứng nhận kết hôn số 90 ngày 08/11/2011; Bản sao Giấy khai sinh Đỗ Thị Thanh Trúc; Giấy khai sinh Đỗ Chí Kiên.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/01/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đỗ Văn Th trình bày:

Về hôn nhân: Anh Th thừa nhận về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn giữa anh và chị H như chị H trình bày là đúng. Tuy nhiên về tình trạng hôn nhân của vợ chồng, anh vẫn còn tình cảm, vẫn yêu thương chị H, vì hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên anh mới phải đi làm ăn xa, thời gian đi làm xa anh vẫn gọi điện thăm hỏi, động viên vợ con. Anh mong muốn được đoàn tụ với chị H, không đồng ý ly hôn chị H.

Về nuôi con chung: anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Trúc và cháu Kiên như chị H trình bày. Hiện các cháu đang ở với chị H. Hàng tháng anh vẫn gửi tiền về chu cấp cho hai cháu mỗi tháng từ 4.500.000đồng – 5.000.000đồng.

Trường hợp, Tòa án giải quyết cho chị H ly hôn anh thì anh đề nghị Tòa án nghị giao cháu Kiên cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng vì cháu còn nhỏ, còn cháu Trúc có nguyện vọng muốn ở với ai thì đề nghị Tòa giao cho người đó trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Th không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: nhất trí như trình bày của chị H, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 18/4/2023 tại địa phương nơi cư trú của đương sự thể hiện: Về tình trạng hôn nhân của chị H và anh Th, đến thời điểm xác minh Tổ hòa giải thôn Thắng Trạch 1 không nhận được đơn thư liên quan đến mâu thuẫn vợ chồng của chị H với anh Th. Tuy nhiên, anh Th đi làm ăn xa tại tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, thường xuyên không có mặt tại nơi cư trú, thỉnh thoảng lễ tết mới về

thăm nhà một hai ngày, còn bà H thì từ đầu năm 2023 cũng bỏ đi làm ăn xa, hiện không biết đi đâu và khi nào quay về lại địa phương.

Tại Biên bản hỏi ý kiến của con chưa thành niên đối với cháu Đỗ Thị Thanh Trúc ngày 22/12/2023 thể hiện: Cháu Trúc có nguyện vọng được ở với anh Đỗ Văn Th.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên hòa giải để hòa giải các mâu thuẫn của đương sự, nhưng tại phiên hòa giải vắng mặt anh Đỗ Văn Th không có lý do, chị H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc tham gia tố tụng của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Bị đơn không có yêu cầu phản tố. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H, cho chị Phạm Thị H ly hôn anh Đỗ Văn Th.

Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Đỗ Chí Kiên, sinh ngày 31/3/2019 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Đỗ Thị Thanh Trúc, sinh ngày 04/5/2012 cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Đến khi con chung thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

[1.1]. *Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền:*

Nguyên đơn Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn Đỗ Văn Th, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, do đó quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, bị đơn có địa chỉ cư trú tại thị trấn I, huyện G, tỉnh Gia Lai nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

[1.2]. Về việc tham gia tố tụng của đương sự:

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Bị đơn không có yêu cầu phản tố. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

2. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về hôn nhân: Xét yêu cầu của chị Phạm Thị H xin ly hôn anh Đỗ Văn Th thấy rằng:

Chị H và anh Thành kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ các điều kiện kết hôn, thực hiện đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa chị H và anh Th là hợp pháp.

Mục đích của việc kết hôn là mong muốn cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thế nhưng giữa chị H và anh Th sau một thời gian chung sống hạnh phúc thì nay không còn chung sống với nhau, không quan tâm chăm sóc nhau, mâu thuẫn sâu sắc đến mức không hòa giải được, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị H yêu cầu ly hôn anh Th là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cho chị H ly hôn anh Đỗ Văn Th.

[2.2]. Về nuôi con chung:

Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình quy định về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn như sau: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; ...*”.

Xét yêu cầu của chị H về việc được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kiên thấy rằng: Hiện tại cháu Kiên đang do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu Kiên còn nhỏ, anh cũng Th có ý kiến giao cháu Kiên cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, Do đó yêu cầu này của chị là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật, đảm bảo sự ổn định, phát triển về mọi mặt của cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu của chị H về việc giao cháu Đỗ Thị Thanh Trúc cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng thấy rằng: Tại Biên bản hỏi ý kiến của cháu Đỗ Thị Thanh Trúc ngày 22/12/2023 thì Cháu Trúc có nguyện vọng được ở với anh Đỗ Văn Th. Anh Th có ý kiến cháu Trúc muốn ở với ai thì giao cho người đó, hiện tại

anh Th là người nuôi dưỡng cháu Trúc. Vì vậy, việc giao cháu Trúc cho anh Thạn trực tiếp chăm sóc là phù hợp quy định của pháp luật, phù hợp nguyện vọng của cháu Trúc, phù hợp ý kiến của anh Th, chị H nên Hội đồng xét xử chấp nhận, giao cháu Trúc cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H, anh Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn, chị H, anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3]. *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:* chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. *Về án phí ly hôn sơ thẩm:* Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của BLTTDS năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51 và Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H , cho chị Phạm Thị H ly hôn anh Đỗ Văn Th.

2. Về con chung:

Giao con chung là cháu Đỗ Chí Kiên, sinh ngày 31/3/2019 cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Giao cháu Đỗ Thị Thanh Trúc, sinh ngày 04/5/2012 cho anh Đỗ Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị H, anh Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về quyền thăm nom con: chị H, anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị H, anh Th có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: chị H, anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo Biên lai số 0008720 ngày 16/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, Gia Lai.

5. Về quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không

có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THA dân sự huyện Ia Grai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HÀM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Trọng Việt Anh

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi..... giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm 2023

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Việt Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Đình Xiềng.

Bà Nguyễn Thị Mỹ

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 126/2022/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 về “*ly hôn, tranh chấp nuôi con*” giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H , sinh năm 1990;

Địa chỉ: thôn Thắng Trạch 1, thị trấn I, huyện G, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Anh Đỗ Văn Th, sinh năm 1989.

Địa chỉ: thôn Thắng Trạch 1, thị trấn I, huyện G, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

- *Ý kiến của Hội thẩm thứ nhất:*

1. Quan hệ pháp luật tranh chấp: “*ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

- *Ý kiến của Hội thẩm thứ hai:* Nhất trí với ý kiến của Hội thẩm thứ nhất.

- *Ý Kiến của Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Nhất trí với ý kiến của 2 Hội thẩm nhân dân.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3; Không đồng ý: Không.

2.Về điều luật áp dụng:

- *Ý kiến của Hội thẩm thứ nhất:*

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của BLTTDS năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51 và Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý án phí và lệ phí Tòa án;

- *Ý kiến của Hội thẩm thứ hai:* Nhất trí với ý kiến của Hội thẩm thứ nhất.

- *Ý Kiến của Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Nhất trí với ý kiến của 2 Hội thẩm nhân dân.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3; Không đồng ý: Không.

3. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- *Ý kiến của Hội thẩm thứ nhất:*

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H , cho chị Phạm Thị H ly hôn anh Đỗ Văn Th.

2. Về con chung:

Giao con chung là cháu Đỗ Chí Kiên, sinh ngày 31/3/2019 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Đỗ Thị Thanh Trúc, sinh ngày 04/5/2012 cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi các cháu thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị H, anh Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về quyền thăm nom con: chị H, anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị H, anh Th có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: chị H, anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Ý kiến của Hội thẩm thứ hai:* Nhất trí với ý kiến của Hội thẩm thứ nhất.

- *Ý Kiến của Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Nhất trí với ý kiến của 2 Hội thẩm nhân dân.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3; Không đồng ý: Không.

3. Về án phí:

- *Ý kiến của Hội thẩm thứ nhất:*

Nguyên đơn chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo Biên lai số 0008720 ngày 16/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, Gia Lai.

- *Ý kiến của Hội thẩm thứ hai:* Nhất trí với ý kiến của Hội thẩm thứ nhất.

- *Ý Kiến của Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Nhất trí với ý kiến của 2 Hội thẩm nhân dân.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3; Không đồng ý: Không.

4. Về quyền kháng cáo :

- *Ý kiến của Hội thẩm thứ nhất:*

Thời hạn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

- *Ý kiến của Hội thẩm thứ hai:* Nhất trí với ý kiến của Hội thẩm thứ nhất.

- *Ý Kiến của Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Nhất trí với ý kiến của 2 Hội thẩm nhân dân.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3; Không đồng ý: Không.

Nghị án kết thúc vào lúc: giờ phút, ngày tháng năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THA dân sự huyện Ia Grai;
- UBND thị trấn I, huyện G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Trọng Việt Anh